

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH THEO LĨNH VỰC NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung chi	Dự toán	Quyết toán	So sánh QT/DT(%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG CHI NSDP	9,362,677	11,501,507.06	123%
A	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	4,738,711	5,110,550.91	108%
1	Bổ sung cân đối	4,738,473	4,737,364.15	100%
2	Bổ sung có mục tiêu	238	373,186.76	156801%
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH THEO LĨNH VỰC	4,623,966	4,306,948.36	93%
I	Chi đầu tư phát triển	2,442,395	2,125,341.46	87%
1	Chi đầu tư phát triển cho chương trình, dự án theo lĩnh vực	2,415,170	2,098,116.46	87%
1.1	Chi quốc phòng		128,034.97	
1.2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội		400.00	
1.3	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề		43,178.12	
1.4	Chi Khoa học và công nghệ		1,300.00	
1.5	Chi Y tế, dân số và gia đình		53,427.58	
1.6	Chi Văn hóa thông tin		14,983.36	
1.7	Chi Phát thanh, truyền hình, thông tấn			
1.8	Chi Thể dục thể thao		676.71	
1.9	Chi Bảo vệ môi trường		31,001.25	
1.10	Chi các hoạt động kinh tế		1,767,621.97	
1.11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		49,223.22	
1.12	Chi Bảo đảm xã hội		8,269.28	
1.13	Chi ngành, lĩnh vực khác			
2	Chi đầu tư phát triển khác (bổ sung vốn cho quỹ phát triển đất)	27,225	27,225.00	100%
II	Chi thường xuyên	2,071,440	2,179,492.76	105%
2.1	Chi quốc phòng	103,410	126,382.97	122%
2.2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	14,029	17,759.00	127%
2.3	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	518,782	572,944.20	110%
2.4	Chi Khoa học và công nghệ	10,940	12,640.00	116%
2.5	Chi Y tế, dân số và gia đình	671,290	708,567.58	106%
2.6	Chi Văn hóa thông tin	81,717	62,066.21	76%
2.7	Chi Phát thanh, truyền hình, thông tấn	24,930	25,760.16	103%
2.8	Chi Thể dục thể thao	6,579	6,282.07	95%
2.9	Chi Bảo vệ môi trường	9,166	13,794.15	150%
2.10	Chi các hoạt động kinh tế	177,845	136,001.82	76%
2.11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	386,899	382,035.55	99%
2.12	Chi Bảo đảm xã hội	27,341	113,899.03	417%
2.13	Chi khác	38,512	1,360.00	4%
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1,600	1,114.14	70%
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1,000	1,000.00	100%
V	Dự phòng ngân sách	61,757		
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	45,774		
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		2,026,567.79	
D	CHI NỘP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN		57,440.00	